

LUẬN DU GIÀ SỰ ĐỊA

QUYỂN 90

Phần Nhiếp Sự, Sự Khế Kinh,
Xứ Lựa Chọn, Gồm Thâu Thứ Hai

Đoạn 2:

Lại nữa, tụng nêu:

*Năm hai cùng mười ba
Bốn nghiệp là sau cùng.*

Có hai thứ nghiệp:

1. Nghiệp nặng.
2. Nghiệp nhẹ.

Lại có hai thứ nghiệp:

1. Nghiệp tăng tiến.
2. Nghiệp không tăng tiến.

Lại có hai thứ nghiệp:

1. Nghiệp cố ý suy xét tạo nên.
2. Nghiệp không cố ý suy xét tạo nên.

Lại có hai thứ nghiệp:

1. Nghiệp nhất định thọ nhận.
2. Nghiệp không nhất định thọ nhận.

Lại có hai thứ nghiệp:

1. Nghiệp của dị thực đã thành thực.
2. Nghiệp của dị thực chưa thành thực.

Lại có ba thứ nghiệp:

1. Nghiệp thiện.
2. Nghiệp bất thiện.
3. Nghiệp vô ký.

Lại có ba thứ nghiệp:

1. Nghiệp thuận với lạc thọ.
2. Nghiệp thuận với khổ thọ.
3. Nghiệp thuận với thọ không lạc không khổ.

Lại có ba thứ nghiệp:

1. Nghiệp thuận hiện pháp thọ.
2. Nghiệp thuận sanh thọ.
3. Nghiệp thuận hậu thọ.

Lại có ba thứ nghiệp:

1. Nghiệp học.
2. Nghiệp vô học.
3. Nghiệp phi học phi vô học.

Lại có ba thứ nghiệp:

1. Nghiệp do kiến đạo đoạn.
2. Nghiệp do tu đạo đoạn.
3. Nghiệp không đoạn.

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp quanh co, tức thân quanh co v.v...

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp cấu uế, tức thân cấu uế v.v...

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp ô trước, tức thân ô trước v.v...

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp tịnh, tức thân tịnh v.v...

Lại có ba thứ nghiệp: Nghĩa là ba thứ nghiệp im lặng, tức thân im lặng.

Có bốn thứ nghiệp:

1. Nghiệp của dị thực đen đen.
2. Nghiệp của dị thực trắng trắng.
3. Nghiệp của dị thực đen trắng, đen trắng.
4. Nghiệp không đen không trắng, không dị thực, có thể dứt

hết các nghiệp.

Nên biết ở đây, do ba nhân duyên khiến nghiệp thành nặng:

1. Do ý lạc.
2. Do gia hạnh.
3. Do ruộng.

- Do ý lạc: Là do chỗ tạo tác của triền mạnh mẽ, nên đối với kẻ đồng pháp thấy rồi hoan hỷ. Đối với phần tùy pháp kia, tùy thuận nhiều nơi tâm tư, tùy thuận nhiều vào dò xét. Như thế gọi là do ý lạc, nên khiến

nghiệp thành nặng.

- Do gia hạnh: Là đối với nghiệp kia tạo tác không gián đoạn, tạo các căn trọng, tích tập trong thời gian dài. Lại khuyến khích kẻ khác tạo tác. Lại tức đối với nghiệp ấy xưng tán hết lời. Như thế gọi là do gia hạnh nên khiến nghiệp thành nặng.

- Do nơi ruộng: Nghĩa là các hữu tình, đối với người có ân đối với mình, hoặc trụ nơi hành chánh cùng quả của hành chánh, đối với kẻ kia phát khởi hành thiện, hành ác.

Nên biết nghiệp này gọi là nặng. Cùng với đấy trái nhau, được gọi là nhẹ. Nếu nghiệp không phải là sự tạo tác rõ ràng, hoặc tạo tác trong mộng, hoặc do tạo tác vô phú vô ký, hoặc tạo tác không thiện, liền lại hối hận, thấu nhận sự đối trị. Lại, đối với các nghiệp hiện có, hết thấy thanh tịnh tương tục. Như thế đều gọi là nghiệp không tăng tiến. Nên biết, khác với đấy, gọi là nghiệp tăng tiến.

Ở đây, nghiệp cố suy xét tạo nên: Nghĩa là, trước hết lường xét rồi, thuận theo tầm tư rồi, tùy thuận dò xét xong, rồi mới tạo tác. Hoặc lại lầm loạn, hoặc không lầm loạn.

Nếu là lầm loạn: Nghĩa là ở nơi xứ khác, suy xét muốn sát hại, hoặc muốn trộm cướp, hoặc muốn biệt ly, hoặc muốn vọng ngữ cùng dối gạt v.v... Suy xét như thế rồi, tức dùng tướng ấy, nơi xứ riêng tạo thành đầy đủ. Nên biết ở đây, do ý lạc nên gọi là nặng, không do sự nên gọi là nặng.

Không lầm loạn: Nên biết về tướng cùng với đây trái nhau. Nếu khác với nghiệp này, đó tức gọi là nghiệp không cố suy xét tạo nên.

- Nghiệp nhất định thọ nhận: Là nghiệp cố ý suy xét đấy khởi, nặng.

- Nghiệp không nhất định thọ nhận: Là nghiệp cố ý suy xét tạo tác, nhẹ.

- Nghiệp của dị thực đã thành thực: Là dị thực của nghiệp đã cho quả.

- Nghiệp của dị thực chưa thành thực: Là nghiệp cùng với đây trái nhau. Nếu lúc sắp chứng đắc A-la-hán, chỗ tạo tác trước quyết định thọ nghiệp, do quả dị thực hiện tiền, nên có thể bị chướng ngại, không do theo đuổi thân nối tiếp. Vì sao? Vì chỉ do nghiệp kia, sanh chỗ dựa là thân không bình đẳng, nên có thể làm chướng ngại, khiến không thể đắc quả A-la-hán. Nếu không sanh thọ mà có thọ sau, đối với chỗ chứng đắc quả A-la-hán, không thể bị chướng ngại. Nhưng nghiệp kia không phải không là nghiệp nhất định thọ nhận. Vì sao? Vì do, tức dựa vào

phiền não kia làm trợ bạn, cùng tức dựa nơi các hành tướng tục kia, thiết lập nghiệp ấy là nhất định thọ nhận.

Lại nữa, do hai nhân duyên nên kiến lập nghiệp thiện:

1. Nhận lấy quả yêu thích.

2. Nơi cảnh của đối tượng duyên, nhận biết khắp đúng như thật, cùng với quả kia.

Do hai nhân duyên, nên lập nghiệp bất thiện:

1. Nhận lấy quả không yêu thích.

2. Nơi cảnh của đối tượng duyên, chấp trước tà vạy.

Đối với hai thứ hành tướng thiện, bất thiện, không thể ghi nhận, nên lập nghiệp vô ký.

Nghiệp thuận với lạc thọ: Là ba Tịch lự 1, 2, 3, hệ thuộc nơi địa, cùng nghiệp thiện hiện có hệ thuộc cõi Dục.

Nghiệp thuận với khổ thọ: Là nghiệp có thể chiêu cảm sanh nơi nẻo ác, là sanh trong Ngạ quỷ hay Bàn sanh.

Nghiệp trước làm nhân, chiêu cảm được lạc thọ, nên biết nghiệp này cũng được gọi là nghiệp thuận lạc thọ.

Nghiệp thuận với thọ không khổ không lạc: Nghĩa là Tịch lự thứ tư, cùng với các nghiệp hiện có của địa trên v.v...

Chỉ trừ nẻo Na-lạc-ca, nơi các xứ còn lại nên biết đều được gọi là thọ nhận khổ lạc lẫn lộn. Tức do lực tăng thượng của nghiệp kia, nên khiến khổ lạc ấy dựa nơi thân trụ, xen lẫn không cùng ngăn ngại.

Nghiệp thuận hiện pháp thọ: Nghĩa là do tướng trạng ý lạc như thế đã tạo các nghiệp. Hoặc do tướng trạng gia hạnh như thế, nghĩa là gia hạnh của sự, hoặc gia hạnh của thân, hoặc gia hạnh của ngữ, đã tạo các nghiệp. Hoặc do tướng trạng ruộng tốt như thế đã tạo các nghiệp, ở trong hiện pháp, dị thực đã thành thực. Như thế gọi là nghiệp thuận hiện pháp thọ.

Nếu nghiệp được tạo, ở trong hiện pháp, dị thực chưa thành thực, nơi đời tiếp theo sẽ sanh dị thực. Như thế gọi là nghiệp thuận sanh thọ.

Nếu nghiệp đã tạo, dị thực của hiện pháp và đời tiếp theo chưa thành thực, từ đây trở về sau, dị thực mới thành thực, nên biết đó gọi là nghiệp thuận hậu thọ.

Nghiệp hữu học: Nghĩa là Thánh đệ tử, nơi mọi thời gian, dựa nơi Giới tăng thượng, dựa nơi Tâm tăng thượng, dựa nơi Huệ tăng thượng, tu học vô lậu, cùng sau đấy đạt được nghiệp hữu lậu thiện, gọi là nghiệp hữu học.

Nghiệp vô học: Nghĩa là ở trong tất cả thân tướng tục của A-la-

hán, tùy các nghiệp ứng hợp. Các nghiệp còn lại ấy, đó gọi là nghiệp phi học phi vô học.

Nếu phiền não tương ứng do kiến đạo đoạn, hoặc chỗ phát khởi các nghiệp như tư v.v..., tất cả nghiệp ấy có thể đi đến các nẻo ác, thì chúng đều gọi là nghiệp do kiến đạo đoạn.

Nếu phiền não tương ứng do tu đạo đoạn, cùng chỗ phát khởi các nghiệp ấy như tư v.v..., như vậy đều gọi là nghiệp do tu đạo đoạn.

Nghiệp không đoạn: Đó là tất cả nghiệp hữu học, vô học xuất thế gian. Nên biết ở đây do ba thứ tướng, nên các nghiệp do cố ý suy xét tạo nên, tức ở nơi hiện pháp tạo sự tăng trưởng rồi, trở lại đoạn trừ. Những gì là ba tướng? Đó là:

1. Hiện pháp đoạn.
2. Sanh đoạn.
3. Sau đoạn.

- Hiện pháp đoạn: Tức như có một hữu tình, ở trong hiện pháp cố ý suy xét tạo nghiệp, khiến tăng trưởng rồi liền lại chán lìa. Đối với chỗ tạo tác ấy thọ nhận sự chán lìa. Đây là phàm phu chưa được lìa dục, trụ như thế đến mạng chung, nhưng chưa có thể khiến nơi phần vị của đời tiếp theo không tạo nghiệp kia, không thọ nhận dị thực, cũng không thể khiến nơi phần vị sau của đời ấy không có sự việc này, ở trong hiện pháp cũng chưa hoàn toàn có thể khiến không tạo.

- Sanh đoạn: Tức lại có một hữu tình, nhận sự chán lìa rồi, tuy là phàm phu nhưng ở nơi cõi Dục đã được lìa dục, trụ ở đấy đến mạng chung, kể kia nơi hiện pháp lại không tạo tác, đối với đời tiếp theo hãy còn không thọ nhận dị thực, huống hồ là lại sanh rồi sẽ có tạo tác, nhưng chưa giải thoát khỏi việc tạo nghiệp cùng nhận dị thực của phần vị sau.

- Sau đoạn: Nghĩa là lại có một hữu tình, tuy là hữu học, nhưng đối với cõi Dục chưa được lìa dục, thọ nhận sự chán lìa xong, đạt được quả Sa-môn đầu tiên, hoặc lại quả thứ hai. Chứng đắc quả rồi, khởi niệm: Phàm chỗ hiện có của ta là do nhiều thô trọng, do nhiều nhiệt não, chỉ nên dứt bỏ, vì đáng chán khinh. Thân tạo tác nghiệp ác, nguyện nơi hiện pháp hết thảy đều nhận. Hoặc ta hiện có thọ nghiệp của hiện pháp, hoặc khổ hoặc vui, cùng với dị thực kia đồng thời thọ nhận. Chờ lại khiến ta sẽ ở nơi phần vị sanh, hoặc nơi phần vị sau, thọ nhận dị thực kia. Chánh tâm phát thệ nguyện như thế rồi, vì đoạn trừ các thứ phiền não, nên lại tu vô lượng, dùng định của phẩm Xa-ma-tha thâm tóm, chánh thức khởi gia hạnh, vì nhằm khiến cho nhân duyên có thể dấy khởi.

Nghiệp kia được dứt trừ rất ráo, cùng tiến tới lìa dục ái.

Nên biết ở đây, hoặc do ý lạc sâu, hoặc do ý lạc hại, hoặc do ganh ghét, hoặc do sự việc đáng yêu thích nên sanh nhiễm chấp sâu xa, do đấy làm nhân, nên đối với các hữu tình phát khởi hành tà, tức là thân ngữ ý phát khởi nghiệp ác cùng vô số việc ác. Nếu có hữu tình vì nhằm đối trị bốn thứ nhân duyên có thể dấy khởi nghiệp ác, nên tu bốn vô lượng nơi Tam-ma-địa thù thắng. Hữu tình kia, cho đến đối với hàng nam nữ nhỏ tuổi, không nơi nào là không thu nhận. Vừa lại phát khởi suy nghĩ tạo nghiệp ác, thế nên người kia tu gia hạnh như vậy, có thể dứt trừ hết nhân duyên của nghiệp ác hiện có. Nên biết tu tập gia hạnh đúng đắn như thế, do hai nhân duyên, nên đối với chỗ tạo tác cùng tăng trưởng tất cả nghiệp ác đều có thể dứt bỏ. Tức là do tu tập vô lượng định. Vì sao? Vì nghiệp ác được tạo tác chỉ đối với cảnh giới của hữu tình hữu lượng, ý lạc được dấy khởi là muốn không tạo lợi ích. Việc tu tập vô lượng chính là đối với cảnh giới của hữu tình vô lượng, ý lạc được phát khởi là nhằm tạo lợi ích. Lại, tâm có thể phát khởi nghiệp bất thiện thuộc về cảnh giới thấp kém, là đối tượng được đối trị. Do tâm cùng hành với sự tu tập vô lượng, thuộc về cảnh giới thắng diệu, là chủ thể đối trị.

Lại, tâm là thù thắng, đối với các nghiệp được tạo đều thuộc nơi tâm, nên nói thế gian đều là sự nối tiếp đời đời của tâm, đều dựa nơi tâm chuyển. Hành giả như thế, trước phát chánh nguyện làm chỗ nương dựa, sau khéo tu tập định tâm vô lượng, nên lúc tiến đến việc lìa dục ái, liền có thể đạt được an trụ nơi quả Bất hoàn.

Nếu chỉ ở nơi quả ấy liền sanh biết đủ, ở trong hiện pháp không cầu tiến lên trên, thì trong hiện pháp kia hãy còn không tạo nghiệp, hưởng là nơi phần vị sanh, hoặc nơi phần vị sau. Lại, nhất định không thể sẽ thọ nhận dị thực của phần vị sanh, phần vị sau.

Lại, ngoài Chánh pháp, thì những kẻ rơi vào tà kiến, những kẻ hành tà đạo, với tất cả nghiệp thiện bất thiện hiện có đã khởi tà kiến, do sức tăng thượng của tà kiến sanh khởi, đều gọi là nghiệp quanh co, nghiệp tà vạy.

Các nghiệp do tham sân mãnh liệt dấy khởi đều gọi là nghiệp cấu uế. Kẻ si mãnh liệt, kẻ quên mất niệm thuộc độn căn phẩm thượng, kẻ hết sức ám độn, tức nghiệp do si khởi đều là nghiệp ô trược.

Hết thấy hành diệu có thể đi đến nẻo thiện đều gọi là nghiệp tịnh. Hết thấy hành diệu có thể đi đến Niết-bàn, gọi là nghiệp im lặng.

Lại nữa, nghiệp ác có thể chiêu cảm nơi chốn Na-lạc-ca đều khác

biệt, gọi là nghiệp của dị thực đen đen. Nghiệp thiện có thể chiêu cảm nơi chốn là cõi Trời đều khác biệt, gọi là nghiệp của dị thực trắng trắng. Các nghiệp hiện có có thể chiêu cảm nơi chốn khác, gọi là nghiệp của dị thực đen trắng đen trắng.

Nơi xứ sở ấy, có hai nghiệp quả hiện tiền có thể đạt được, thế nên nói chung dùng làm một nghiệp. Nếu là các nghiệp vô lậu xuất thế gian thì đều gọi là nghiệp không bị dị thực không đen không trắng, có thể dứt trừ hết các nghiệp. Nếu đã dứt hết các nghiệp, hoặc sẽ dứt hết các nghiệp, hai thứ được gọi chung là có thể dứt trừ hết các nghiệp, khiến kẻ chưa sanh sẽ không sanh, khiến người đã sanh rồi thì được lìa mọi trôi buộc, do căn cứ nơi dị thực của nhân quả khả ái.

Nói không trắng, nên biết xứ sở đều khác biệt nơi nẻo Trời hoàn toàn là trắng: Nghĩa là vượt quá cõi Trời Tha hóa tự tại, vẫn trong cõi Dục, có “kinh đô” của Ma vương với cung điện của chúng Ma, cùng cõi Trời Phạm thế ở trên, cho đến nghiệp thiện hiện có của xứ Phi tưởng phi phi tưởng, gọi chung làm một. Do nơi chốn kia, mắt có thể thấy sắc, cho đến ý nhận biết pháp. Hoàn toàn là khả ái tiếp nối, là nghĩa thù thắng tăng thượng, nên môn ý dẫn phát ý thành nghiệp. Xứ sở Na-lạc-ca đều khác biệt có bốn:

1. Na-lạc-ca lớn.
2. Na-lạc-ca riêng.
3. Na-lạc-ca lạnh.
4. Na-lạc-ca biên.

Nơi xứ sở này, đều riêng thọ nhận thuận thuận theo lạc thọ nơi dị thực của các quả, nghiệp, hoặc đều riêng thọ nhận thuận thuận theo khổ thọ nơi dị thực của các quả nghiệp. Do đó gọi là xứ sở đều riêng.

Lại, hai Tĩnh lự 1 và 2, đối với cung Ma đều thọ nhận thuận vui thích. Nếu ở nơi Tĩnh lự thứ ba trở lên là thọ nhận thuận hỷ lạc.

Nói hỷ lạc: Tức khiến tâm điều hòa, dịu dàng, khiến tâm an vui thích hợp. Cùng tương tự với hỷ, nên gọi là hỷ, không phải là hỷ thọ. Cùng với lạc tương tự, nên gọi là lạc, không phải là lạc thọ.

Sáu môn xúc xứ luôn được lãnh nhận, nên biết tức gọi là sáu xúc xứ, cùng với nơi chốn đều riêng, là nghĩa của đạo lý nhân quả cùng tùy thuộc.

Lại nữa, tụng nêu:

*Không trí, trí cùng tịnh
Thù thắng, chứng nơi học
Chấp vô ngã, Thánh đạo*

Hai biển không đồng phận.

Hoặc các tà kiến, hoặc các ngã kiến, hoặc tức là vô minh, dựa vào chỗ đã nêu ở trước về ba chúng hữu tình không trí làm gốc, nên được sanh khởi. Nếu có thể đoạn trừ gốc rễ vô nghĩa ấy, vì nơi hết thủy chúng, nó có thể dấy khởi tất cả tạp nhiễm nơi một pháp. Nên biết có thể ghi nhận lý giải một cách đúng đắn. Ở đây, tạp nhiễm thứ nhất được dấy khởi là tổn giảm sự thật. Tạp nhiễm thứ hai là tăng ích sự hư. Tạp nhiễm thứ ba, đối với nẻo như thật kia hiển bày rõ về phương tiện, có thể tạo ngu si. Do đối với hai nhân kia có ngu si, nên khởi tăng ích hoặc khởi tổn giảm.

Lại nữa, có hai thứ trí như thật:

1. Do tác ý như lý phát khởi.
2. Do Tam-ma-địa phát khởi.

Nên biết ở đây, tác ý do Văn, Tư đúng đắn tạo thành, với lực tăng thượng của việc lắng nghe Chánh pháp, nên đối với sự chuyển biến, sanh khởi lỗi lầm tai họa của năm thứ phần vị thọ, đều nhận biết đúng như thật.

Lại, tức đối với sự chuyển biến của phần vị ấy, tư duy như lý, gọi là chánh trí như thật của địa chẳng định. Đây là chỗ nương dựa để có thể tùy nhập tu tập.

Thế nào gọi là phần vị chuyển biến dấy khởi lỗi lầm tai họa? Nghĩa là các tánh vô thường của phần vị khổ, lạc. Trong phần vị khổ có tánh của tự tánh khổ. Nơi phần vị lạc, có tánh của pháp biến hoại.

Thế nào gọi là phần vị chuyển biến? Nghĩa là phần vị lạc cùng với phần vị khổ có tánh dị biệt. Như thế, nên biết, tất cả phần vị lần lượt đều dị biệt, và nơi dị biệt ấy đều quán thấy đúng như thật. Ở nơi phần vị ấy, trụ vào tướng vô thường, quán thấy đúng như thật về lỗi lầm tai họa dị biệt.

Nhận biết thọ hiện có đều là khổ rồi, trụ nơi tướng khổ, có tướng như thế, có kiến như thế, đều có thể chứng đắc thanh tịnh. Thế nên cũng được gọi là trí như thật.

Trí như thật dựa vào định phát khởi: Tức là dựa vào hành tướng kia lúc chuyển biến thuộc về khinh an, thanh tịnh không nhiều loạn, tịch tĩnh mà chuyển. Nên biết hành này cùng với trước có sai biệt.

Lại, tánh vô thường là cộng tướng của tất cả hành. Tánh khổ là cộng tướng của tất cả pháp hữu lậu. Hai trí như thật là chỗ dựa nương. Nên biết có thể hiển bày rõ đúng như thật về hai tướng của pháp kia.

Lại nữa, người trụ nơi nội pháp chưa được tâm định, hãy còn sai

biệt so với tâm định của ngoại đạo, do trí hơn hẳn, hướng hồ là được tâm định. Vì sao? Vì các ngoại đạo kia tuy được tâm định, cho đến chứng đắc định Phi tưởng phi phi tưởng hết sức lâu xa, nhưng vẫn chưa có thể ở nơi sáu xúc xứ, do năm chuyển biến kia nhận biết rõ như thật, chứng đắc giải thoát. Do đó, pháp định kia so với chánh Pháp-Luật này, cũng như mặt đất với hư không, cách nhau hết sức xa.

Người trụ nơi nội pháp, tuy chưa được định, chỉ do tin nghe thắng giải về vô ngã, liền có thể chứng đắc tâm Tam-ma-địa, đối với sáu xúc xứ có thể đoạn trừ, có thể nhận biết, tâm được lìa dục, cùng chứng giải thoát. Do vậy nên biết đối với chánh Pháp-Luật, ngoại đạo kia có hoại mất, còn người trụ nơi nội pháp thì không hoại mất. Chính là thắng giải chân chánh, lúc nối tiếp chuyển, đối với sáu cảnh giới nương dựa nơi sáu căn, lược có năm thứ hành diệu tịch tĩnh:

1. Đối với các pháp kia thấy rõ lỗi lầm tai họa, nên gọi là khéo điều phục.

2. Đối với các cảnh giới không nên bày biện, tức không bày biện, nên gọi là khéo xét kỹ.

3. Ở trong các cảnh giới nên sắp đặt, bày biện, hoặc ở trên cảnh đột nhiên hiện tiền, khéo trụ niệm, nên gọi là khéo giữ lấy.

4. Tất cả phiền não đều có thể đoạn trừ, nên gọi là khéo bảo hộ.

5. Đã khéo tu tập đạo viên mãn, nên gọi là khéo tu tập.

Lại nữa, ở nơi hai xứ sở, Như lai chứng đắc trí an lập thù thắng, có thể nêu bày, làm rõ đúng đắn, vượt các thứ khổ, lạc, không phải là không chứng đắc trí an lập thù thắng. Trong đó, nếu có kẻ tạo sự lãnh hội như vậy: Đại Sa-môn này là thuộc chủng tộc Kiêu-đáp-ma, không biết không hiểu, đối với các thứ hoàn toàn an lạc của thế gian, vì khiến các đệ tử cho an lạc này xen lẫn với các khổ, nên sanh sợ hãi sâu xa, vì nhằm vượt quá khổ lạc lẫn lộn do dựa cậy vào các thế gian, vì nhằm vượt khỏi các khổ lạc, nên tuyên thuyết pháp yếu. Nên biết lãnh hội ấy là tướng tà vạy, là phân biệt sai lạc, là tà kiến lớn. Nhưng Đức Như lai đã khéo nhận biết về thế gian hoặc hoàn toàn là lạc, hoặc hoàn toàn là khổ, hoặc khổ lạc lẫn lộn, nhưng tất cả đều là vô thường. Thế nên, vì khiến cho các chúng đệ tử vượt quá tất cả thế gian vô thường, vượt quá khổ lạc, nên thuyết giảng Chánh pháp thiết yếu.

Do ba thứ tướng, nên nhận biết rõ, đúng về các sự hợp ý. Nghĩa là các sự khả ái của đời vị lai, gọi là đối tượng được truy cầu. Hoặc các sự khả ái của đời quá khứ, gọi là đối tượng được tầm tư. Hoặc cảnh giới bên ngoài đáng yêu thích của đời hiện tại, gọi là đối tượng được thọ

dụng. Nếu là nội thọ khả ái của đời hiện tại, thì gọi là tham đắm, vướng mắc. Nên biết ở đây, gắn chặt với ba đời, có bốn hành tướng: Một đối với vị lai. Một đối với quá khứ. Hai đối với hiện tại.

Nơi hành tướng này có thể tùy thuận ngộ nhập, là tướng hợp ý, tướng vui thích của ý, tướng của sắc khả ái, tướng của sắc bình an, như chỗ ứng hợp nên biết. Tức là bốn thứ hành tướng: Đáng mừng, đáng vui, đáng yêu, hợp ý.

Lại nữa, người siêng năng tu định, lược do hai môn, hai thời, hai địa, với các mong muốn hiện có. Ở chỗ dẫn phát ba thứ đẳng trì, có thể gây tạo chướng ngại. Vì nhằm đoạn trừ chướng ngại như thế, nên siêng năng tu tập đúng đắn năm thứ đối trị. Tức biết ở đây, trước tiên là chỗ thọ dụng các dục quá khứ, nơi xứ xa lìa, do môn tầm tư khiến tâm phóng dật.

Lại có cư gia hiện tại với các thứ lợi dưỡng, cung kính hiện có cùng hành với các dục, do môn tầm tư khiến tâm tán loạn. Ở đây, lợi dưỡng, cung kính cùng hành với các dục hiện có, vào lúc hành trì khiến tâm phóng dật. Cư gia thọ dụng các dục trước tiên, vào lúc an trụ khiến tâm tán loạn. Tức các dục này đối với các địa phàm phu có thể gây chướng ngại, đối nơi địa hữu học cũng tạo chướng ngại.

Lại, đối với việc tu tập vô lượng cùng hành với đẳng trì của các phàm phu, có thể gây chướng ngại. Cũng đối nơi hàng hữu học, tu tập đẳng trì rộng lớn hay khéo thông đạt về sự của Nhất thiết trí, có thể tạo chướng ngại. Cũng đối với hàng vô học hết sức khéo tu tập đẳng trì cứu cánh, có thể gây chướng ngại. Nên biết, các chỗ sanh khởi hết thảy đẳng trì như thế, đều cùng hành với hỷ. Ở đây, thứ nhất là ở trong môn ý lạc tạo lợi ích an lạc cho các hữu tình, cùng hành với hỷ. Thứ hai là hàng hữu học lãnh nhận hỷ giải thoát, nên cùng hành với hỷ. Thứ ba là hàng vô học lãnh nhận hỷ giải thoát, nên cùng hành với hỷ.

Hành giả kia, do sự nhận thức như mắt v.v... nơi đối tượng duyên như sắc v.v... là riêng biệt, nên lại có sáu thứ.

Lại, đẳng trì này gồm đủ các tướng, nên gọi là viên mãn.

Lại, đẳng trì này là biên vực rất ráo, nghĩa là có thể đi đến thế gian lìa dục, hoặc có thể đi đến nẻo xuất thế lìa dục. Vượt quá giới hạn ấy thì không thể hưởng tới đẳng trì thanh tịnh có thể đạt được. Thế nên gọi đây là không có khuyết giảm.

Hoặc muốn mau chóng chứng đắc quả Sa-môn, đối với thân mạng v.v... không hề luyến tiếc, thường xuyên cẩn trọng gia hạnh không gián đoạn, tinh tấn mãnh liệt, ở trong các dục nhận biết rõ về tự tướng, giữ

vững chánh niệm, nhận biết rõ về lỗi lầm tai họa, không trông mong v.v... Chánh tri hiện tiền, chánh niệm, chánh tri làm chỗ nương dựa, tạo phương tiện siêng tu bốn thứ không phóng dật. Nghĩa là nơi phần ngày, hoặc đi hoặc ngồi, đối với các pháp chướng ngại, tu tịnh nơi tâm, cho đến nói rộng. Phát khởi tinh tấn dũng mãnh như vậy, đối với đối tượng chứng đắc không hề khiếp nhược. Do chín thứ tướng nên tâm được an trụ. Hoàn toàn tu tập định Xa-ma-tha, thân được khinh an, không có ái vị, nên không có nhiễm ô, không bị hai thứ tùy phiền não là hôn trầm và thù miên nhiễu loạn. Toàn bộ niệm trụ là chỗ nương dựa, siêng năng tinh tấn tu tập Tỳ-bát-xá-na, giữ vững chánh niệm, xa lìa tùy phiền não trạo cử, nên không có ngu si. Đã nhập nơi đạo cả hai cùng vận hành của Chỉ, Quán, tâm được chánh định. Tức hai phần ấy là tùy hành một cảnh, vì đoạn trừ chướng ấy, nên tu tập năm thứ đối trị như thế làm chỗ dựa, nên có thể đối với chướng kia, nhận biết khắp cùng đoạn trừ vĩnh viễn. Nơi ba đẳng trì, dựa nơi sáu cảnh sự với sai biệt hiện có, hỷ cùng hành có thể dẫn đến định viên mãn. Do hai nhân duyên nên chư Phật Thế Tôn, vì các đệ tử, tuyên thuyết pháp, tự mình có thể phát khởi, dẫn dắt:

1. Đối với những lỗi lầm hiện có của phẩm đen, khiến sanh hiểu rõ.
2. Đối với những công đức hiện có của phẩm trắng, khiến sanh hiểu biết.

Lại nữa, ở trong Chánh pháp Tỳ-nại-da này, lược có hai thứ hữu tình:

1. Đã được ý.
2. Chưa được ý.

Đã được ý lại có hai loại:

1. Đã thấy đế, đã được tâm hữu học, ý giải thoát.
2. A-la-hán đã được tâm vô học, ý giải thoát.

Chưa được ý: Là hàng phàm phu đối với ba học, bắt đầu sự việc tu tập hữu học, họ hoàn toàn chưa được tất cả hai thứ tâm ý giải thoát, thế nên mong cầu sau thế phàm phu là cảnh diệt Hữu dư y, và sau tự thế là giới Niết-bàn của diệt Vô dư y, lúc ấy, ở trong ba học, tu nhiều học trụ. Nếu các bậc vô học, tuy đã chứng đắc tâm ý giải thoát, nhưng hoặc bị mất niệm, khi hành phóng dật liền có thối thất nơi hiện pháp lạc trụ. Các vị kia, tuy đối với hiện pháp lạc trụ, hoặc thối chuyển không thối chuyển, nhưng không gắng sức nên thối thất giải thoát.

Nếu có người tu hành không phóng dật, thì tất cả đều vì chứng

đắc giải thoát. Nhưng đã chứng đắc giải thoát không thối chuyển, thì tu không phóng dật lại có công dụng gì? Nếu vì chứng đắc hiện pháp lạc trụ, siêng tạo công dụng, như tạo tác công nghiệp, không phải là không phóng dật.

Nếu các hàng hữu học, trước đã chứng đắc tâm ý giải thoát, các vị ấy cũng quyết định hướng đến ba Bồ đề. Nơi chỗ tu đạo, không do duyên khác, tự nhiên có thể tu hành không phóng dật, ở trong hiện pháp vẫn chưa dứt trừ phóng dật rốt ráo. Nếu có tất cả hữu tình chưa được ý, thì họ nên quyết định tu không phóng dật. Lại do ba tướng làm rõ chỗ nên tạo tác:

1. Do các căn được tập thành, nên tư lương viên mãn.
2. Do quen gần thuận theo các ngoại cụ như pháp, nên tâm được an trụ.
3. Do nương dựa, gần gũi nơi bậc Thiện sĩ, nghe phạm âm của kẻ khác, tác ý như lý nơi các nhân duyên, cho đến đạt được hai tâm giải thoát.

Lại, tức ở đây nên không phóng dật, lúc tạo tác chuyển biến, do hai thứ tướng nên biết, đối với sáu xứ tịch diệt kia, có tăng thượng mạn, không có tăng thượng mạn. Nghĩa là, ở nơi chưa diệt, khởi phân biệt tà vạy, vọng chấp là diệt. Do đối tượng duyên, nên ở nơi chưa đạt được, khởi phân biệt tà vạy, vọng chấp là đạt được. Kẻ kia, tuy khởi phân biệt sai lạc như thế. Tức là giải thoát của diệt, nhưng chưa thể khiến thân hoại trở về sau, thọ mạng vĩnh viễn dứt hết. Sáu xứ vĩnh viễn diệt cũng không thể lìa tướng của các cảnh giới.

Lại, kẻ kia do đối với sáu xứ tịch diệt, hoặc duyên hoặc chứng lãnh nhận tà vạy, nên có sự như thế. Hai thứ tướng ấy, nên biết gọi là có tăng thượng mạn. Cùng với đây trái nhau, nên biết gọi là không có tăng thượng mạn.

Lại nữa, trụ nơi nội pháp, đối với hai thứ chấp trước, phải nên nhận biết rõ về hai thứ lỗi lầm tai họa. Nghĩa là các phàm phu, đối với hai duyên thức cùng có thể nương nhận, không thể nhận biết rõ về tánh vô ngã.

Người chưa lìa dục, đối với nghiệp duyên tăng thượng của lợi dưỡng, sự cung kính, đã khởi các thọ, có chấp trước thứ nhất.

Người đã lìa dục, đối với việc lìa duyên của các dục, đã khởi các thọ, có chấp trước thứ hai. Chấp trước này làm nhân sanh khởi vị lai, nên gọi là sanh.

Lại, các ngoại đạo, do chấp giữ nên sanh các thứ trói buộc. Do trói

buộc sanh, nên có thể sanh tất cả pháp ác bất thiện. Nên biết, đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ nhất.

Lại, do sức tăng thượng của chấp trước ấy, nên đối với Chánh pháp Tỳ-nại-da bị mai một, cùng các khổ như sanh v.v... của đời vị lai, sai biệt mà sanh. Ở trong hiện pháp, do sức tăng thượng ấy làm duyên, nên không Bát Niết-bàn. Nên biết, đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là phẩm trắng sai biệt.

Lại nữa, do bốn nhân duyên, nên đối với pháp vô ngã, có thể đạt đến cứu cánh. Nghĩa là, tất cả pháp đều là vô ngã, trừ tự tánh của thức, các nhân duyên của thức, các trợ bạn của thức, ngoài ra, các thứ hiện có đều không thể đạt được.

Lại, tự tánh của thức là vô thường. Lại, nhân duyên ấy là vô thường. Lại, trợ bạn ấy là vô thường.

Lại nữa, do pháp của tám chi Thánh đạo cùng quả của pháp ấy nên hiển phát Chánh pháp và Tỳ-nại-da. Do năm thứ tướng nên biết pháp của tám chi Thánh đạo là tối thắng, không tội. Nghĩa là, đối với phiền não có không của hiện pháp, khéo phân biệt, nên gọi là hiện thấy. Có thể khiến cho phiền não được lìa trôi buộc, nên gọi là không bùng cháy. Hoặc đi hoặc đứng, hoặc ngồi hoặc nằm, trong tất cả thời đều có thể tu tập, dễ tu tập nên gọi là hợp thời. Dẫn dắt đến Niết-bàn, nên gọi là dẫn đạo. Không chung với tất cả các ngoại đạo, nên gọi là Chỉ. Kiến ấy xa lìa hành tướng vui thích tin theo kẻ khác, tâm tư đủ khắp, tùy theo nghe, lãnh hội đầy khởi kiến, xét kỹ nhãn chỉ là tự thế, nên gọi là chỗ chứng đắc bên trong. Pháp của đạo quả này cũng có năm tướng, nên biết, như nơi phần Nhiếp dị môn ở trước đã phân biệt về tướng.

Lại nữa, biển có hai loại:

1. Biển nước.
2. Biển sanh tử.

Do ba thứ tướng, nên biết biển nước, cùng với biển sanh tử, không đồng phạm. Những gì là ba tướng?

1. Tự tánh không đồng phạm.
2. Chìm đắm không đồng phạm.
3. Vượt qua không đồng phạm.

Ở đây, tự tánh không đồng phạm: Nghĩa là biển nước lớn, dùng một phần sắc làm tự tánh, nên có biên giới, là có lượng. Biển sanh tử lớn, dùng tất cả hành làm tự tánh, nên không có biên giới, là vô lượng.

Chìm đắm không đồng phạm: Nghĩa là, hoặc chìm đắm hiện có, hoặc do sự chìm đắm này, hoặc chìm đắm như thế, đều không đồng

phận. Tức nơi biển nước lớn, hoặc loài Bàng sanh hưởng đến, hoặc có người hưởng tới, chìm đắm trong đó.

Biển sanh tử lớn, chư Thiên, thế gian cũng thường chìm đắm.

Lại, biển nước lớn, chỉ do thân nên bị chìm đắm trong đó. Không do ngữ, không do ý, không do tham, không do sân, không do si. Không do các pháp khổ như sanh v.v... chìm đắm trong đó.

Ở đây, tuyên thuyết về các nghiệp, phiền não, ba phần của quả kia như thứ lớp ấy, nên biết về tướng của chúng.

Biển sanh tử lớn, cũng do thân, cho đến cũng do các khổ như sanh v.v... nên chìm đắm trong ấy.

Các người xuất gia, do vọng tâm tư, do vọng quan sát, do tự ấy khởi các thứ phân biệt tà vạy, phát khởi vô số tâm tư bất chánh khiến tâm nhiều loạn, nên nơi biển sanh tử thường xuyên chìm đắm.

Lại, các ngoại đạo khác, luôn bị các phiền não trói buộc, nên đối với biển sanh tử luôn bị chìm đắm.

Các người tại gia thường xuyên bị các khổ bức bách không gián đoạn, luôn bị phiền não thiêu đốt mà không thể chán lìa, nên gọi là chìm đắm. Ngoài ra, đều dựa nơi phiền não của các nghiệp, nên đối với các xứ sanh tối lui không dứt, tức gọi là chìm đắm.

Về biển nước lớn, chỉ rơi vào trong ấy, tạm thời suy tổn. Hoặc nẻo Bàng sanh, do sức mạnh nơi một phần phiền não, nghiệp, nên sanh trong đó, tạm thời chìm đắm mà không phải cứu cánh. Nên biết, đó gọi là chìm đắm không đồng phận.

Vượt qua không đồng phận: Nghĩa là nơi biển nước lớn, các loài phàm phu chưa lìa dục tham hỷ còn có thể vượt qua, huống chi là các loài khác.

Biển sanh tử lớn, kiến lập ba phần:

1. Hạng chưa lìa dục: Do năm cảnh khả ái nên có sai biệt.

2. Hạng đã lìa dục: Do cảnh của các pháp khả ái được ý nhận biết, nên có sai biệt.

3. Hàng hữu học: Do sáu xứ bên trong nên có sai biệt.

Về các loài phàm phu chưa lìa dục, đối với năm cảnh giới khả ái nơi biển lớn chưa có thể vượt qua.

Các loài phàm phu đã lìa dục: Đối với sáu xứ bên trong đều có sai biệt nơi biển lớn chưa có thể vượt qua.

Do các hữu tình kia đối với biển lớn này chưa có thể vượt qua, nên đối với hai thứ cảnh giới trước nơi biển lớn cũng chưa vượt qua.

Về hàng hữu học: Đối khắp sáu xứ đều nhận biết rõ là khổ, tức nơi

đối tượng duyên tu tập chánh đạo. Chư vị ấy do an trụ nơi trụ như thế, nên đối với hai thứ cảnh giới của địa chưa lìa dục, đã lìa dục, theo tâm ý hiện có nơi cảnh tượng của đối tượng duyên, đều hiện tiền sáng rõ.

Lại, do tác ý quan sát mạnh mẽ, nên ở nơi các chỗ đã thấy từ trước v.v... đều tùy thuận nhớ nghĩ. Do nhân duyên ấy nên đối với các pháp kia, mau chóng dùng huệ thông đạt, cũng có thể trừ bỏ hẳn.

Lại, chư vị ấy đối với biển lớn của sáu xứ kia, có thể mau chóng vượt qua. Có thể vượt qua, nên đối với biển lớn của hai thứ cảnh giới trước đều vượt qua rốt ráo, cùng có thể vượt qua các thứ phiền não:

Có thể phát khởi sự dứt bỏ pháp đã học.

Có thể phát khởi tâm tư loạn tâm.

Có thể phát khởi sự tham đắm, chấp trước nơi lợi dưỡng, sự cung kính của thế gian.

Có thể phát khởi tất cả hành ác.

Tụng nêu:

Đạo sư không đồng phạm

Vương quốc hai thế gian

Hữu vi ngăn thân hành

Chấp chặt ba tánh không.

Lược có hai thứ đạo không đồng phạm:

1. Tự tánh không đồng phạm.

2. Hành tướng không đồng phạm.

Nếu hành hướng đến Khổ Tập, hoặc hành hướng tới Khổ Diệt, đó gọi là tự tánh không đồng phạm. Nên biết loại thứ nhất có thể hướng tới tập nhiễm, loại thứ hai có thể hướng tới thanh tịnh. Ở đây, đó gọi là nghĩa không đồng phạm. Tức hành hướng đến diệt ấy, hoặc có hữu vi là hành chuyển của cộng tướng. Hoặc có hữu vi, vô vi là hành chuyển của cộng tướng. Đó gọi là hành tướng không đồng phạm.

Nên biết ở đây, nếu các hữu vi là hành tướng của cộng tướng thì chúng đối chiếu với đạo quả gọi là không đồng phạm. Nếu hữu vi, vô vi là hành tướng của cộng tướng, thì chúng đối chiếu với đạo quả cũng gọi là đồng phạm. Vì sao? Vì đạo quả Niết-bàn là thường vô ngã.

Lại nữa, ở trong Chánh pháp, lược có năm thứ sư, giả lập câu. Các sư của ngoại đạo trong chỗ tạo luận đều không thể đạt được. Nghĩa là hành hướng tới các thủ. Hành hướng tới các thủ dứt hết. Hoặc tất cả pháp đều nhận biết khắp, vĩnh viễn đoạn trừ, tạo biên vực của khổ. Nếu đối với năm tướng thọ nhận xứ kiến lập, thì trong mỗi mỗi tướng, không nương nơi bốn tướng Tát-ca-da-kiến. Dùng chúng làm chỗ dựa, có thể

loại trừ kiêu mạn của bốn thứ hành tướng. Nếu mạn làm nhân thì có ba lỗi lầm tai họa. Lìa mạn làm nhân thì có ba thắng lợi.

Nên biết ở đây, kẻ ôm giữ kiêu mạn, thì đối với cảnh giới Niết-bàn, tâm sẽ thối chuyển, do sợ hãi. Đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ nhất.

Ở trong các hành ác thường luôn hiện hành, cùng đối với các sự tạp nhiễm đáng yêu thích, tâm lại hướng nhập. Đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ hai.

Đối với cảnh giới Niết-bàn sanh sợ hãi sâu xa, với sức tăng thượng ấy nên liền có thể sanh khởi trọng bệnh sanh tử như sanh v.v... ở vị lai. Như do sức tăng thượng của sợ hãi, như vậy, cũng do sức tăng thượng đối với các hành ác, cùng sức tăng thượng của các sự tạp nhiễm đáng yêu thích, khiến tâm hướng nhập, nên có thể sanh khởi trọng bệnh sanh tử như sanh v.v... ở vị lai. Như các trọng bệnh như sanh v.v..., xứ ung nhọt như mắt v.v..., mũi tên độc như tham v.v..., nên biết cũng thế. Đó gọi là lỗi lầm tai họa thứ ba. Cùng với đây trái nhau, nên biết tức là ba thứ thắng lợi của lìa mạn làm nhân.

Nếu theo sức tăng thượng của duyên khởi, ở trong hiện pháp, chủng tử của hữu sau hoặc tăng hoặc giảm, do đây làm nhân, nên hữu sau của vị lai hoặc sanh hoặc không sanh. Do có thể thâm nhận chủng tử phiền não, hoặc có tập khởi, hoặc diệt mất, nên tất cả giáo pháp hiện có của thế gian cùng xuất thế gian, đều kiến lập đúng như thật. Chỉ ở nơi nội pháp có đại sư ấy, vì các đệ tử, đã tuyên thuyết đúng đắn về câu giả lập sư, có thể đạt được chân thật, không phải là các ngoại đạo.

Lại nữa, ở trong cõi Dục, với các khí thế gian nên biết ví như vương quốc của vua. Hữu tình thế gian ví như thần dân. Thiên ma ác kia ví như chủ vua.

Lại nữa, có hai thế gian:

1. Hữu tình thế gian.
2. Khí thế gian.

Về khí thế gian thì bị tai họa về lửa v.v... hoại diệt. Còn hữu tình thế gian thì trong từng sát na nơi nội thân hoại diệt.

Lại nữa, Không có hai thứ:

1. Hữu vi.
2. Vô vi.

Ở đây, Không hữu vi là pháp không thường hằng, không an trụ lâu, là pháp biến đổi cùng ngã, ngã sở.

Nếu các vô vi chỉ là không, thì không có ngã cùng ngã sở.

Lại, tánh của Không này lìa các nhân duyên, thuộc về pháp tánh,

đạo lý pháp nhĩ làm nơi chốn nương dựa. Ở đây hoặc như thế, hoặc khác, hoặc không. Khắp tất cả xứ, không đâu là không đồng quy nơi đạo lý pháp nhĩ.

Lại nữa, Như lai không ngăn chặn việc có thể đạt được biên vực của tất cả thế gian, chỉ ngăn chặn thân hành theo đấy đi đến, có thể đạt được biên vực của thế gian.

Ở đây, nên dựa nơi đạo lý của Thắng nghĩa, nên biết thế gian. Nếu tạo phương tiện đạt được biên vực của thế gian, cùng biên vực của đời, tức ở nơi phương xứ có tướng thế gian, do sức tăng thượng của giả danh, nên đặt. Nghĩa là do sức tăng thượng của hoặc trí, hoặc tướng, nên nói có thế gian. Do sức tăng thượng của hoặc tướng hoặc trí, nên đối với các thế gian khởi rộng về ngôn thuyết. Do sức tăng thượng của hoặc thấy nghe, hoặc hiểu biết, nên đối với sáu xúc xứ, do năm chuyển kia, khởi trí như thật, gọi là tạo phương tiện đạt được biên vực của thế gian. Nhân của các hành vị lai vĩnh viễn dứt hết, nên gọi là có thể đạt đến biên vực của thế gian. Nơi nhân quả của đời đều nhận biết như thật, nên gọi là thế gian giải. Có thể nhận giữ đúng đắn về thân sau cùng, nên gọi là khéo vận hành nơi biên vực của thế gian.

Ở trong hiện pháp, hết thấy cảnh giới tham ái đều vĩnh viễn dứt hết, nên gồm đủ hằng trụ, gọi là có thể vượt khỏi ái của thế gian. Do các hành tướng được nêu bày như thế, nên biết gọi là đạt được biên vực của thế gian.

Lại nữa trong Pháp Tỳ-nại-da không khéo thuyết giảng, các vị xuất gia, theo đấy có một vị ác, bất thiện, chưa sanh tâm tử, lúc sanh thì hoàn toàn có thể tạo chướng ngại cho phạm hạnh. Như kẻ kia sanh rồi thì chấp chặt không bỏ. Ở đây, không hành là thù thắng hơn hết. Nếu như có hành thì không nên chấp giữ chặt, ở trong sự nối tiếp, không nên tạo chốn cư trú, nương dựa. Vì sao? Vì sát na tạp nhiễm không thể làm nghiêng động chỗ tu phạm hạnh, nhưng chính nơi sự tương tục có thể làm nghiêng động.

Lại nữa, nên biết lược có hai thứ Không trụ:

1. Không trụ tôn thắng.
2. Không trụ dẫn khởi.

Các vị A-la-hán quán trụ vô ngã, như thế gọi là Không trụ tôn thắng. Do “pháp nhĩ” tôn thắng của A-la-hán, quán trụ vô ngã, ở trong các trụ là tôn thắng hơn hết. Như vậy, hoặc chỗ trụ tôn thắng, hoặc tức trụ tôn thắng, do nhân duyên ấy, nên gọi là Không trụ tôn thắng.

Không trụ dẫn khởi: Nghĩa là như có một hữu tình, hoặc hành

hoặc trụ, đều nhận biết rõ như thật về phiền não có không. Nhận biết có phiền não, liền tu hành đoạn trừ. Biết không có phiền não, liền sanh hoan hỷ. Do sanh hoan hỷ, cho đến khiến tâm chứng đắc Tam-ma-địa. Vì tâm chứng đắc Tam-ma-địa, nên quán xét như thật về các pháp vô ngã, ngày đêm tùy học từng không biếng trễ. Như thế gọi là Không trụ dẫn khởi.

Nên biết ở đây, đối với phiền não bên trong nhận biết đúng như thật, có biết là có, không biết là không, đó gọi là Không tánh.

Lại nữa, các Thánh đệ tử chánh kiến viên mãn, đã kiến đế tích đều có thể đúng như thật vượt khỏi tà không kia. Cũng có thể đúng như thật hội nhập Bất không chân chánh kia.

Dùng đạo thế gian và đạo xuất thế gian tu tập Không tánh, nghĩa ấy như thế nào? Tức là ở nơi xứ này, pháp kia không có nên chánh quán là không. Nếu đối với xứ ấy, các thứ khác là có, nên nhận biết đúng như thật là có.

Như vậy, chỗ nương dựa của tự thể là thân, cũng gọi là thọ thú, cũng gọi là tướng thú, cũng gọi là tư thú. Nhưng thân là chỗ dựa của tự thể ấy, nơi một thời gian, do không có một loại, hoặc thọ hoặc tướng, hoặc lại tư, cùng tất cả phiền não, tùy phiền não, nên gọi là không. Nơi một thời gian do có một loại, nên gọi là chẳng không. Hoặc tức chỗ nương dựa của thể là thân, nơi một thời gian do không có một loại, hoặc mắt hoặc tai hoặc mũi hoặc lưỡi, hoặc một phần của thân, hoặc một phần của ý, nên gọi là không, nhưng không phải chỗ nương dựa của tự thể là thân, tức thể của tự thân hết thảy đều không. Nên biết ở đây là lược nêu chung về nghĩa. Hoặc quán tự tánh hiện có của các pháp rốt ráo đều không, đó gọi là đối với không hưởng nhập điền đảo. Cũng gọi là trái vượt với pháp Tỳ-nại-da khéo thuyết giảng của Phật. Hoặc quán các pháp, do tự tướng, nên một loại là có, một loại là không có, thì có không có ấy nên hoàn toàn xa lìa.

Lại quán có tánh, nơi một thời gian, một phần xa lìa, nơi một thời gian, một phần không lìa. Như thế gọi là, đối với Không tánh kia không có điền đảo, hưởng nhập đúng như thật.

Do đạo thế gian tu Không tánh: Nghĩa là Thánh đệ tử trụ nơi xứ xa lìa, trước đối với tướng về xóm làng, thành ấp, người, tác ý tư duy. Tiếp theo, lại tư duy về tướng A-luyện-nhã. Các vị kia tức quán xét ở trong tự thân, tướng ấy là không, nghĩa là các tướng như người, thành ấp. Tướng này chẳng không, tức là tướng A-luyện-nhã.

Lại, các thứ khác chẳng không, nghĩa là tướng A-luyện-nhã làm

duyên nơi tướng A-luyện-nhã, tương ứng với các thọ, tư v.v... Hoặc tức tướng này do một loại, nên quán là không, nghĩa là không trụ thô trọng, chẳng tịch tĩnh, cùng sáng rõ v.v... Do một loại nên quán là chẳng không, nghĩa là có trụ hết sức tịch tĩnh, vi tế, lia sáng rõ v.v...

Lại, tức nơi pháp kia có thể chọn lấy tướng về các chốn A-luyện-nhã như núi rừng, cây cỏ, cầm thú v.v..., với tướng sai biệt, không tư duy nữa, chỉ tư duy về tướng nơi đất không có tướng riêng.

Lại, tức nơi pháp kia, có thể chọn lấy tướng về vùng đất hiểm ác cao thấp không bằng phẳng, có nhiều gai góc, gạch đá v.v... với tướng sai biệt, không tư duy nữa, chỉ tư duy về tướng nơi vùng đất bằng phẳng, mịn màng, giống như trong lòng bàn tay, không có tướng riêng. Từ đấy, theo thứ lớp, trừ bỏ tướng về sắc v.v..., lần lượt tư duy về tướng nơi xứ Không, xứ Thức, xứ Vô sở hữu, tướng có sai biệt. Sau, nơi tướng của tướng hiện có thuộc xứ Phi tướng phi phi tướng, tác ý tư duy nơi tất cả xứ như trước đã nói. Thứ đến là quán Không tánh, quán các địa dưới có tướng thô v.v..., quán các địa trên có tướng tĩnh. Như thế gọi là các Thánh đệ tử dùng đạo thế gian tu tập Không tánh, nên biết là hướng tới, cho đến trên cùng là xứ Vô sở hữu, lần lượt lia dục. Từ đó trở về sau, tu hành Thánh đạo, thứ lớp loại bỏ hành vô thường v.v..., có thể hướng đến xứ Phi tướng phi phi tướng, lia dục hoàn toàn.

Các vị ấy, bấy giờ tự quán trong thân hoàn toàn không có các tướng, nghĩa là toàn bộ tất cả lậu đều tịch tĩnh, vĩnh viễn lia mọi nẻo sáng rõ. Lại quán trong thân có pháp chẳng không. Nghĩa là các pháp thanh tịnh này nương dựa làm duyên, sáu xứ lần lượt hỗ tương nhận giữ, cho đến thọ mạng an trụ làm duyên, không có hoại diệt. Nên biết Đức Thế Tôn, nơi thời xưa tu tập hành vị Bồ tát, tu nhiều về Không trụ, nên có thể mau chóng chứng đắc đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, không phải như tư duy vô thường khổ trụ. Thế nên, nay chứng đắc Bồ đề, trụ thượng diệu rồi, do diệu lực của việc thường xuyên hành tập tùy chuyển từ xưa, nên dựa nhiều nơi Không trụ.

Lại nữa, có hai thứ Không:

1. Không, nên chứng đắc.
2. Không, nên tu tập.

Nếu các Bí-sô vui thích dựa nơi tạp trụ, thì đối với hai thứ này không thể thành tựu đầy đủ: Không, nên chứng đắc chẳng thể chứng đắc. Không, nên tu tập, không thể tu tập. Do nơi hai thứ không thành tựu, nên biết thối mất bốn thứ diệu lạc. Nghĩa là: Diệu lạc xuất ly đối với tất cả việc ác được thâm nhận, các khổ thôi thúc thủy đều giải thoát.

Diệu lạc xa lìa trong Tĩnh lực thứ nhất, giải thoát các sự tham dục, giận dữ v.v... Diệu lạc tịch tĩnh của tâm tứ được dừng dứt. Diệu lạc đẳng giác gồm thâu hai giải thoát, gồm thâu không chỗ tạo tác, không sợ hãi.

Hai giải thoát là:

1. Giải thoát của tâm thời ái.
2. Giải thoát của tâm bất động.

Nếu A-la-hán căn tánh chậm độn, đối với định của thế gian là pháp thối chuyển, chưa thể giải thoát chương ngại hiện có nơi định, gọi là giải thoát của tâm thời ái.

Do pháp thối chuyển, nên thường xuyên thối mất. Luôn luôn hiện tiền nên gọi là thời. Đối với hiện pháp lạc, vui muốn chứng trụ, nên gọi là ái.

Giải thoát của tâm bất động: Là A-la-hán căn tánh lanh lợi, là pháp không thối chuyển, tất cả đều do diệu lực của đạo vô lậu mà được giải thoát, nơi tất cả loại đều không thối mất. Nên biết ở đây, nghĩa quyết định là nghĩa Tam muội da, phần còn lại như trước đã nói.

Không chỗ tạo tác, không sợ hãi: Nên biết không có dị loại có thể chứng đắc, khiến tâm của A-la-hán, ở đấy bị nhiễm nơi sự biến dị kia, nên sanh sầu than.

Không, nên chứng đắc, lược có hai loại:

1. Ngoại không.
2. Nội không.

Ngoại không: Nghĩa là vượt quá tất cả năm thứ tướng sắc, tức là chỗ dẫn phát của năm thứ dục diệu, đối với việc lìa dục tham có thể tác chứng đúng đắn.

Nội không: Nghĩa là nơi các hành bên trong, đoạn trừ tăng thượng mạn, chính thức có thể tác chứng.

Không, nên tu tập, cũng có hai thứ:

1. Ở trong các cảnh giới trong ngoài, tu tập kiến không ngã.
2. Tức ở đấy, tu kiến vô thường.

Bốn thứ không ấy, nên biết bốn hành là chỗ nương dựa. Ngoại không dùng sức của duyên tăng thượng nơi tâm nội trụ, lìa lạc đã sanh, khiến thân thấm nhuần là chỗ nương dựa, cùng nhận biết khắp về ngã mạn.

Nội không dùng nội ngoại không, đối với pháp trong ngoài, tu tập kiến vô ngã. Do kiến vô ngã làm chỗ nương dựa, tức ở nơi ấy tu tập kiến vô thường, làm chỗ nương dựa. Kiến vô thường do lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý làm chỗ dựa.

Lại, ở trong ấy, nếu các Bí-sô vì nhằm lia dục tham, nên tinh tấn tu học, do sức tăng thượng của tác ý quan sát, nên đối với các tướng bất tịnh hệ thuộc cõi Dục, đều gắng sức tư duy. Vị kia, đối với ngoại không chưa tác chứng, đối với chánh đạo chưa khéo tu tập, nên hướng tới nhiệm tập. Nơi tánh của ngoại không, tâm không chứng nhập, không yêu thích, nên liền ở trong đó, do môn ngã mạn, tâm không lưu tán, cùng tùy quan sát. Do tướng tịch tĩnh tư duy về nội không, vị kia do ngã mạn chưa vĩnh viễn đoạn trừ, nên đối với chánh đạo chưa khéo tu tập. Cũng ở trong đó tâm không chứng nhập, bèn ở trong tất cả hành trong ngoài tu kiến vô ngã. Đối với kiến vô ngã chưa khéo tu tập, nên cũng ở trong đó tâm không chứng nhập, nên ở trong hết thấy hành trong ngoài tu kiến vô thường, khiến tâm không động. Ở trong các hành thấy rõ vô thường, nên tất cả thứ động đều không có thật, tức kiến vô thường được gọi là cảnh giới bất động. Do đối với xứ này, tâm đều thắng giải, nên dùng chánh huệ thông tỏ đúng như thật. Hoặc duyên nơi bất tịnh, hoặc duyên nơi từ bi, hoặc duyên nơi cảnh giới hiện có của niệm hơi thở, hoặc duyên nơi cảnh giới vô thường của các hành, đối với Tam-ma-địa, dốc sức tu tập nhiều làm nhân duyên, nên khiến tâm điều thuận. Do đấy, lần lượt nơi tất cả xứ đều có thể chứng nhập. Vì nhân duyên này, nên ở nơi Không được chứng, có thể chứng đắc viên mãn. Nhân nơi sự chứng đắc viên mãn, nên tâm giải thoát khỏi tất cả kiết có thể thuận nơi phần trên dưới. Do nhân duyên ấy, nên đối với Không được tu tập có thể tu tập viên mãn.

Nhân ở chỗ tu tập được viên mãn, nên thành tựu các pháp như chánh kiến vô học. Nếu vào lúc ấy, cho đến đối với Không, chưa thể chứng nhập, nên biết lúc này là phần vị phạm phu. Nếu khi chứng nhập, là phần vị hữu học. Nếu lúc tu tập đã được viên mãn, là phần vị vô học.

Vì khiến cho sự tu tập ấy được viên mãn, nên siêng tu chánh hành, do khéo tầm tư mà tầm tư đúng đắn, tức ở trong ấy có thể khéo nhận biết lượng, lia các tạp nhiễm mà khởi ngôn thuyết. Ở chốn kinh hành có thể kinh hành đúng. Ở chốn an tọa có thể an tọa đúng. Nơi hết thấy xứ như thế, đều khéo nhận biết về lượng. Khi hành như vậy, thanh tịnh là trước hết, nơi lúc an trụ cũng được thanh tịnh. Trong khoảng có thể dùng tác ý quan sát, thường xuyên quán xét phiền não hiện hành, tịnh tu trị tâm. Như thế, có thể hoàn toàn hướng đến việc thành tựu các pháp bạch tịnh, hết thấy ma oán đều không thể xâm đoạt, kể cả mọi thứ pháp ác bất thiện kia.

Bốn thứ tạp nhiễm là:

1. Tánh của nhân hữu sau.
2. Thân tâm của hiện pháp bị thiêu đốt khắp.
3. Tánh của nhân thuộc nẻo ác.
4. Tánh của nhân thuộc các khổ như sanh v.v...

Ngôn thuyết có hai:

1. Ngôn thuyết thắng giải gắn liền với âm thanh.
2. Ngôn thuyết gắn liền với pháp tùy pháp hành.

Ngôn thuyết thứ nhất là đối với Chánh pháp, thọ trì, đọc tụng, thỉnh vấn, phát khởi nêu xét. Ngôn thuyết thứ hai, là nơi đối tượng duyên khiến tâm an trụ, hoàn toàn giải thoát, phát khởi việc thiết lập, chỉ dạy, trao truyền. Nếu vì nghĩa này, Như lai xuất thế, các chúng đệ tử tùy nhập Thánh giáo, nên siêng năng tu tập pháp thiện như thế. Hoặc ở trong Pháp-Luật kia, tất cả loại không tu phạm hạnh, nên biết cũng không có người tu phạm hạnh. Do ở trong ấy không có phạm hạnh mà xưng là phạm hạnh, tức đều tu tà hạnh, thầy trò lẫn lượt hỗ tương xúc não. Điều tự chấp nhận có thể thức tôn ti, ở trong Chánh pháp, cả hai cùng có thể đạt được. Nếu có kẻ dứt bỏ quả lớn lợi lớn nơi Không, nên chứng đắc, nơi Không, nên tu tập, là hết sức thấp kém, có tội lỗi lớn, bị lợi dưỡng, sự cung kính, ái vị loạn động, hành tập nhiều theo hành tà. Nên biết kẻ kia là chỗ xúc não của tai họa thuộc phạm hạnh lớn. Kẻ kia do tham đắm, ái chấp về lợi dưỡng, sự cung kính, tự bức não, nên đối với ngôn giáo có thể tùy thuận giải thoát không muốn lắng nghe, tuy là tuyên thuyết nhưng không thể lọt vào tai. Hoặc vì sức tăng thượng của sự tham vướng nơi lợi dưỡng nên miễn cưỡng lắng nghe, nhưng không có tâm cầu hiểu, không muốn tu hành, không vì khéo tự điều phục hoàn toàn, cho đến không vì chứng đắc Bát Niết-bàn. Do sự việc như thế, nên ghét bỏ Đại sư, hành không bình đẳng, do đối với ân đức hiện tiền rộng lớn không thể báo đáp.

Nên biết ở đây, lược nêu chung về nghĩa, tức trong Pháp-Luật khéo thuyết giảng, đã xuất gia rồi, do bốn nhân duyên, như đối với chỗ tự mình nên hành đúng đắn thì không thể hành. Như đối với Thánh giáo của Đại sư, là điều nên hành trì của người xuất gia, cũng không thể hành. Nghĩa là vui thích cùng tạp trụ, tùy thuận gắn chặt với ngôn thuyết thắng giải của âm thanh, tham đắm lợi dưỡng, sự cung kính. Do sức nơi duyên tăng thượng của sự đắm chấp ấy, nên tuy lắng nghe Chánh pháp nhưng không tu tập hành tự lợi, lợi tha.

Lại, Đức Phật, Thế Tôn không muốn tự hiển bày khả năng khéo

điều phục chúng, để thâm phục đồ chúng, chỉ là thương xót sâu xa các hữu tình. Do nhân duyên ấy, nên ở trong chúng đệ tử hành theo hành tà, có thể không hộ trì, thương tiếc, nêu rõ phân minh, đâu thể khiến cho đệ tử, do ngôn ngữ tạo lợi ích lớn, phân minh ấy, hiện bỏ Chánh pháp và Tỳ-nại-da, nêu đạt được lợi ích. Chớ khiến trụ nơi hành tà dấy khởi rộng ấy.

*

**